

PHỤC HỒI SỰ THẬT LỊCH SỬ

Luật Sư NGUYỄN HỮU THỐNG

Theo sử sách của Đảng Cộng Sản, ngày 11-11-1945 Hồ Chí Minh giải tán Đảng Cộng Sản Đông Dương và ngày 3-9-1969 Hồ Chí Minh về châu tổ Mác-Lê.

Ngày nay sự thật lịch sử cho biết Đảng Cộng Sản Đông Dương không tự giải tán năm 1945, và Hồ Chí Minh đã về châu tổ Mác-Lê ngày hôm trước, 2 tháng 9, 1969.

Cũng vào ngày 2 tháng 9 (1945) Hồ Chí Minh đọc Tuyên Ngôn Độc Lập.

Thực ra Việt Nam chưa độc lập năm 1945. Chiếu Công Pháp Quốc Tế, Việt Nam chỉ thâm hồi chủ quyền độc lập ngày 8 tháng 3, 1949 do Hiệp Định Elysee. Trong năm này, 11 quốc gia khác tại Á Châu cũng giành được độc lập bằng đường lối chính trị và ngoại giao, không bạo động võ trang và không liên kết với Quốc Tế Cộng Sản.

Tháng hai năm 2000, nhà cầm quyền Hà Nội tổ chức lễ kỷ niệm 70 năm thành lập Đảng Cộng Sản Đông Dương. Trong dịp này họ viện dẫn những thành quả đã đạt được trong nửa thế kỷ vừa qua, và tự ban cho mình tư cách độc quyền lãnh đạo quốc gia từ trước tới nay và từ nay về sau.

Gạt bỏ mọi thành kiến và mọi luận điệu tuyên truyền, chúng ta chỉ căn cứ vào những tài liệu lịch sử và những văn kiện pháp lý để đưa ra những nhận định liên quan đến chủ trương đường lối của Đảng Cộng Sản.

NHẬN ĐỊNH VỀ ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH.

Dưới chiêu bài giải phóng dân tộc, Đảng Cộng Sản chủ trương đấu tranh bạo động võ trang, vọng ngoại và liên kết với Quốc Tế Cộng Sản. Trên bình diện dân tộc đây là một sai lầm chiến lược khiến 3 triệu thanh niên nam nữ thuộc 3 thế hệ phải hy sinh xương máu trong 3 cuộc Chiến Tranh Đông Dương:

Chiến Tranh Đông Dương Thứ Nhất chống Pháp và Quốc Gia Việt Nam trong 8 năm (1946-1954)

Chiến Tranh Đông Dương Thứ Hai chống Thế Giới Dân Chủ (Việt Nam Cộng Hòa, Hoa Kỳ và Đồng Minh) trong 20 năm (1955-1975); và

Chiến Tranh Đông Dương Thứ Ba tự chống lẫn nhau trong 10 năm, chiến tranh Miền Việt kết thúc năm 1989 do sự can thiệp của Liên Hiệp Quốc.

Trong số 14 nước thuộc địa, bảo hộ và giám hộ tại Á Châu, chỉ có 3 nước Đông Dương dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Đông Dương đã đấu tranh bạo động võ trang và liên kết với Quốc Tế Cộng Sản. Trái lại, tất cả 11 quốc gia khác đã đấu tranh ôn hòa, không bạo động và không liên kết với Quốc Tế Cộng Sản.

Trong khi Đảng Cộng Sản Đông Dương đứng vào hàng ngũ Quốc Tế Cộng Sản để đấu tranh võ trang nhằm lật đổ các Đế Quốc Tây Phương, thì các đảng quốc gia tại Á Châu chủ trương hợp tác và thương nghị với đế quốc cũ để giành tự trị trong giai đoạn đầu và độc lập trong

giai đoạn sau. Cũng vì vậy họ đã tiết kiệm được nhiều hy sinh xương máu và thời gian giành độc lập được rút ngắn còn từ 1 đến 4 năm sau Thế Chiến II, thay vì 30 năm như trường hợp Việt Nam.

Năm 1919 tại Hội Quốc Liên (tổ chức tiền thân của Liên Hiệp Quốc), Tổng Thống Hoa Kỳ Woodrow Wilson đề xướng quyền Dân Tộc Tự Quyết để khuyến cáo các Đế Quốc Tây Phương từng bước trả tự trị và độc lập cho các thuộc địa Á Phi. Từ đó trào lưu tiến hóa tất yếu của lịch sử là sự giải thể tiệm tiến của các Đế Quốc Tây Phương. Cũng trong năm này Đế Quốc Anh đã trả chủ quyền độc lập cho Canada tại Bắc Mỹ và A Phú Hãn tại Nam Á.

Năm 1941, khi Thế Chiến II còn đang tiếp diễn, theo đề nghị của Tổng Thống Hoa Kỳ Franklin Roosevelt, các Đế Quốc Tây Phương Anh Mỹ Pháp Hòa Lan đã hội nghị tại Newfoundland Canada để công bố Hiến Chương Đại Tây Dương theo đó các thuộc địa và bảo hộ Á Phi sẽ được trao trả độc lập khi Chiến Tranh kết thúc.

Mùa xuân 1945, với sự đầu hàng của Đức Quốc Xã, 50 quốc gia đồng minh họp Hội Nghị San Francisco để thành lập Liên Hiệp Quốc và ban hành Quyền Dân Tộc Tự Quyết trong Điều Thứ Nhất của Hiến Chương Liên Hiệp Quốc.

Trung thành với Hiến Chương Đại Tây Dương 1941 và Hiến Chương Liên Hiệp Quốc 1945, trong 4 năm, từ 1946 đến 1949, các Đế Quốc Tây Phương Mỹ Anh Pháp Hòa Lan đã lần lượt tự giải thể để trả độc lập cho các thuộc địa Á Châu:

Độc lập năm 1946: Phi Luật Tân thuộc Hoa Kỳ, Syrie và Liban thuộc Pháp.

Độc lập năm 1947: Ấn Độ và Đại Hội thuộc Anh.

Độc lập năm 1948: Miến Điện, Tích Lan và Palestine thuộc Anh.

Độc lập năm 1949: Việt Nam, Ai Lao, Cao Miên thuộc Pháp, và Nam Dương thuộc Hoà Lan.(1)

Như vậy lịch sử đã chứng minh rằng, tại Á Châu, đấu tranh không bạo động và không liên kết với Quốc Tế Cộng Sản là đường lối khôn ngoan và hữu hiệu nhất để giành tự trị và độc lập cho quốc gia. Ngược lại, đứng vào hàng ngũ Quốc Tế Cộng Sản để đấu tranh võ trang nhằm lật đổ các Đế Quốc Tây Phương là một sai lầm chiến lược. Vì đây *không phải là chiến tranh giành độc lập mà là chiến tranh ý thức hệ giữa Quốc Tế Cộng Sản và Thế Giới Dân Chủ*. Kinh nghiệm dân gian cho biết nơi nào trâu bò húc nhau là ruồi muỗi chết: 3 triệu thanh niên nam nữ tại Triều Tiên, 3 triệu tại Việt Nam, 2 triệu tại Miên Lào và 1 triệu tại A Phú Hãn đã hy sinh thân sống, không phải để giành độc lập cho quốc gia, mà để cho Đảng Cộng Sản cướp chính quyền.

NHẬN ĐỊNH VỀ CÔNG CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP.

Trung thành với chủ nghĩa Quốc Tế Vô Sản, Đảng Cộng Sản Đông Dương phủ định chủ nghĩa dân tộc. *Họ không chủ trương đấu tranh giành độc lập vì quốc gia dân tộc và không quan niệm độc lập quốc gia như một cứu cánh tối hậu, một mục tiêu chiến lược phải tranh thủ với bất cứ giá nào, với bất cứ hy sinh nào, kể cả việc hy sinh những quyền lợi riêng tư của đảng phái*. Lịch sử đã chứng minh rằng Đảng Cộng Sản chỉ sử dụng cuộc đấu tranh giành độc lập như một chiêu bài, một chiến thuật để đạt *mục tiêu chiến lược là Cướp Chính Quyền*. Họ đã chống đối và phá hoại bất cứ giải pháp độc lập nào không cho họ độc quyền lãnh đạo quốc gia.

Tại Pháp, tháng 3, 1947, Hội Đồng Chính Phủ Ramadier và Hội Đồng các Chính Đảng (lãnh đạo Quốc Hội gồm cả Đảng Xã Hội và Đảng Cộng Sản) công bố Quyết Nghị về chính sách mới của Pháp tại Việt Nam theo đó Pháp không chủ trương tái lập thuộc địa tại Á Châu. Pháp tán thành nguyện vọng chính đáng của nhân dân Việt Nam về độc lập và thống nhất (*ba miền cùng chung một lịch sử, một chủng tộc, một văn hóa và một ngôn ngữ*). (2)

Đặc biệt là, cũng trong năm 1947, sau khi ký Hiệp Ước Sơ Bộ Vịnh Hạ Long, Pháp đã chính thức đăng ký Việt Nam là một quốc gia độc lập tại Liên Hiệp Quốc. (Everyone's United Nations, ấn bản năm 1986, trang 332).

Chủ quyền độc lập của Việt Nam được thừa nhận bởi Hiệp Định Élysée ngày 8-3-1949 ký kết giữa Tổng Thống Vincent Auriol và Quốc Trưởng Bảo Đại.

Hiệp Định Élysée là một văn kiện độc nhất vô nhị trong lịch sử ngoại giao của các quốc gia văn minh trên thế giới. Thông thường các hiệp ước và hòa ước quốc tế đều do các ngoại trưởng ký. Riêng Hiệp Định Élysée đã được chính Tổng Thống Vincent Auriol tự tay ký, với sự kiến thị của Thủ Tướng Henry Queille, của ngoại Trưởng Georges Bidault, của Bộ Trưởng Quốc Phòng Ramadier và Bộ Trưởng Pháp Quốc Hải Ngoại Paul Coste-Floret. Từ đó, chiếu công pháp quốc tế, Việt Nam được hoàn toàn độc lập, các hiệp ước thuộc địa và bảo hộ ký với Pháp trong hậu bán thế kỷ 19 đã bị Hiệp Định Élysée bãi bỏ.

Cũng trong năm 1949 Trung Cộng đã dùng võ trang thôn tính lục địa Trung Hoa. Theo sách lược của Quốc Tế Cộng Sản, việc cộng sản hóa Trung Hoa sẽ mở đầu cho việc nhuộm đỏ hóa hai bán đảo Đông Dương và Triều Tiên. Trước nguy cơ này, các cường quốc Tây Phương chủ trương giữ vững Việt Nam trong hàng ngũ Thế Giới Dân Chủ chống lại âm mưu thôn tính của Quốc Tế Cộng Sản.

Chiếu Hiệp Định Elysee tháng 3, 1949, Việt Nam là một quốc gia liên kết với Pháp trong tổ chức Liên Hiệp Pháp nên giữa Việt Nam và Pháp có *nghĩa vụ an ninh hỗ trợ*. Nay Quốc Gia Việt Nam bị đe dọa về an ninh quốc nội (nội loạn) và an ninh quốc ngoại (ngoại xâm), nên Pháp có nghĩa vụ phải mang quân hay điều quân để bảo vệ biên thùy của Việt Nam đồng thời là biên thùy của Liên Hiệp Pháp và của Thế Giới Dân Chủ.

Mặc dầu vậy Đảng Cộng Sản đã phủ nhận nền độc lập này. Họ tiếp tục chiến đấu võ trang để được độc quyền yêu nước, độc quyền kháng chiến và độc quyền lãnh đạo quốc gia.

Để vận động toàn dân tham gia kháng chiến, Đảng Cộng Sản tuyên truyền rằng Pháp đem quân trở lại Việt Nam để tái lập chế độ thuộc địa. Do đó họ phải chiến đấu võ trang chống Pháp để giành lại độc lập cho quốc gia.

Đây là một luận điệu tuyên truyền xuyên tạc. Vì từ năm 1947 các Hội Đồng Chính Phủ và Chính Đảng Pháp đã quyết định không tái lập chế độ thuộc địa tại Á Châu và tán thành nguyện vọng độc lập của nhân dân Việt Nam. Trước đó, năm 1946, Pháp đã trả độc lập cho Syrie và Liban theo đúng chủ trương của Hiến Chương Đại Tây Dương 1941 và Hiến Chương Liên Hiệp Quốc 1945.. Và trong năm 1947, như đã trình bày, Pháp đã đăng ký Việt Nam là một quốc gia độc lập tại Liên Hiệp Quốc. Tháng 3, 1949, bằng Hiệp Định Élysée, Tổng Thống và Quốc Hội Pháp đã chính thức thừa nhận chủ quyền độc lập và thống nhất của Quốc Gia Việt Nam.

NHẬN ĐỊNH VỀ CUỘC THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC.

Năm 1975 Đảng Cộng Sản không có công thống nhất đất nước. Vì theo quốc tế công pháp, Quốc Gia Việt Nam đã được độc lập và thống nhất từ năm 1949 chiếu Hiệp Định Élysée ngày 8-3-1949.

Một tháng rưỡi sau, chiếu nguyên tắc Dân Tộc Tự Quyết, ngày 23-4-1949, *Quốc Hội Nam Kỳ biểu quyết giải tán chế độ Nam Kỳ thuộc địa để sát nhập Nam Phần vào lãnh thổ Quốc Gia Việt Nam độc lập và thống nhất (với 45 phiếu thuận và 6 phiếu chống).*

Tuy nhiên Đảng Cộng Sản đã phủ nhận nền độc lập này và đã phá hoại nền thống nhất này. Vì Hiệp Định Élysée không cho họ độc quyền lãnh đạo quốc gia. Do đó họ vẫn tiếp tục chiến đấu võ trang và đã ký Hiệp Định Genève chia đôi đất nước để cướp chính quyền tại Miền Bắc năm 1954. Và rồi, với sự yểm trợ của Quốc Tế Cộng Sản, họ lại tiếp tục chiến đấu võ trang để thôn tính Miền Nam năm 1975.

Kể từ năm 1955, Đảng Cộng Sản tuyên truyền rằng Mỹ đã thay thế Pháp để thống trị Miền Nam. Do đó họ phải chiến đấu chống Mỹ để giải phóng Miền Nam và thống nhất đất nước. Đây cũng là một luận điệu tuyên truyền xuyên tạc. Vì quân đội Hoa Kỳ chiến đấu tại Triều Tiên và Việt Nam không phải để thống trị hai quốc gia này mà để bảo vệ biên thùy của Thế Giới Dân Chủ.

Tám bản đồ Việt Nam ông cha chúng ta đã đổ bao xương máu để tạo lập nên hồi đầu thế kỷ 19. Sau này, vì yếu thế, chúng ta phải nhượng cho Pháp 6 tỉnh Miền Nam. Năm 1949 đồng bào Miền Nam đã hành sử quyền dân tộc tự quyết để thu hồi chủ quyền lãnh thổ và bồi đắp tám bản đồ từ Nam Quan đến Cà Mâu. Tuy nhiên, bằng chiến tranh võ trang, Hồ Chí Minh đã cầm tay xé đôi tám bản đồ năm 1954 để cướp chính quyền tại Miền Bắc. Và rồi, năm 1975, cũng bằng chiến tranh võ trang, Đảng Cộng Sản đã cướp chính quyền tại Miền Nam. Rồi họ lấy băng keo dán 2 mảnh dư đồ lại và tuyên bố rằng: “Đảng Cộng Sản có công thống nhất đất nước!”.

Chúng ta đưa ra những nhận định này trên cương vị người nghiên cứu sử học và luật học, chứ không với tư cách cán bộ tuyên truyền cho một chủ thuyết hay một chế độ chính trị nào.

ĐỐI CHIẾU CÁC PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TẠI Á CHÂU.

Muốn có cái nhìn khách quan và trung thực, chúng ta hãy đối chiếu công cuộc đấu tranh giành độc lập tại Việt Nam với các phong trào giải phóng dân tộc khác tại Á Châu.

Sau Thế Chiến II, trong số 14 nước thuộc địa, bảo hộ và giám hộ tại Á Châu, chỉ có 3 nước Đông Dương dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Đông Dương là đã đấu tranh võ trang, bạo động và liên kết với Quốc Tế Công Sản. *Trái lại các đảng quốc gia tại 11 nước Á Châu khác đã chủ trương đấu tranh ôn hòa, không bạo động và không liên kết với Quốc Tế Cộng Sản.*

Một năm sau Thế Chiến II, từ 1946 đến 1949, tất cả các đế quốc Tây Phương như Mỹ, Pháp, Anh và Hoà Lan đã lần lượt tự giải thể để trả độc lập cho 12 nước thuộc địa, bảo hộ và giám hộ tại Á Châu.

1946: Phi Luật Tân độc lập

Hoa Kỳ đi tiên phong trong cuộc giải phóng thuộc địa. Nguyên là một cựu thuộc địa, Hoa Kỳ có truyền thống đấu tranh giải phóng dân tộc. Nhân dân Hoa Kỳ có cảm tình với những phong trào đấu tranh giành độc lập của các dân tộc Á Phi.

Đầu thập niên 1930, Luật Sư Quezon, lãnh tụ Đảng Quốc Gia Phi Luật Tân đến Hoa Thịnh Đốn vận động Quốc Hội Hoa Kỳ ban hành quy chế tự trị và độc lập cho Phi Luật Tân.

Năm 1934 Quốc Hội Hoa Kỳ biểu quyết thông qua *Luật Tydings-McDuffie Act công nhận Phi Luật Tân là một quốc gia tự trị (dominion) từ 1935*. Trong đạo luật này có khoản quy định rằng, 10 năm sau, đúng Ngày Quốc Khánh Hoa Kỳ (4 tháng 7, 1945) Phi Luật Tân sẽ được hoàn toàn độc lập. Tuy nhiên tới ngày đó, Chiến Tranh Thái Bình Dương chưa kết thúc, nên Phi Luật Tân chỉ được tuyên bố độc lập ngày 4-7-1946 (trễ một năm vì lý do chiến cuộc).

Trong thời chiến tranh, Luật Sư Quezon được mời tham gia Ủy Ban Chiến Tranh vùng Thái Bình Dương, và người phụ tá của ông, Luật Sư Roxas hoạt động tình báo cho Tướng McArthur. Khẩu hiệu đấu tranh của Đảng Quốc Gia Phi Luật Tân là “*Độc Lập do Hợp Tác*” (Independence through Cooperation).

1946: Syrie và Liban độc lập.

Nếu Hoa Kỳ có truyền thống đấu tranh giải phóng dân tộc, thì Pháp cũng là quốc gia có truyền thống Tự Do, Bình Đẳng, Bác Ái tiến bộ nhất trong lịch sử loài người.

Tại Syrie và Liban, lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc là Đảng Nhân Dân tại Syrie và Luật Sư Dabbas tại Liban. Dabbas đã từng du học tại Paris, nơi đây ông hay biết rằng, bên cạnh các đảng bảo thủ chủ trương duy trì thuộc địa còn có *Đảng Xã Hội Pháp chủ trương giải phóng lao động và giải phóng thuộc địa*.

Năm 1936 Mặt Trận Bình Dân nắm chính quyền, Thủ Tướng Xã Hội Léon Blum ký hiệp ước với Syrie và Liban để trả tự trị cho 2 quốc gia này. Và 10 năm sau, năm 1946 quân đội Liên Hiệp Pháp triệt thoái để trả độc lập cho Syrie và Liban (Thời gian này tại Trung Đông chưa có nguy cơ xâm nhập của Staline).

1947: Ấn Độ và Đại Hội độc lập.

Sau các Đế Quốc Hoa Kỳ và Pháp, đến lượt Đế Quốc Anh bắt đầu tự giải thể. Tới Thế Chiến II, Anh Quốc đã thành lập được một đế quốc hùng mạnh nhất từ cổ chí kim chạy từ Bắc Mỹ qua Âu Châu, Phi Châu, Á Châu và Úc Châu. Người Anh thường tự hào nói: “Mặt trời không bao giờ lặn trên Đế Quốc Anh”. Vậy mà 2 năm sau Thế Chiến II, năm 1947, Đế Quốc Anh bắt đầu tự giải thể.

Tại Ấn Độ, 3 nhà lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc là các Luật Sư Gandhi, Nehru và Jinnah. Các vị này đã từng du học tại Anh, nơi đây họ hay biết rằng, bên cạnh Đảng Bảo Thủ chủ trương duy trì thuộc địa, còn có *Đảng Lao Động Anh chủ trương giải phóng lao động và giải phóng thuộc địa như Đảng Xã Hội Pháp*.

Năm 1947 Thủ Tướng Lao Động Clement Attlee trả độc lập cho Ấn Độ và Đại Hội, và qua năm sau, 1948, trả độc lập cho Miến Điện, Tích Lan và Palestine, mặc dầu mọi phản kháng của Churchill, lãnh tụ Đảng Bảo Thủ.

Khác với Đảng Cộng Sản Việt Nam, Đảng Quốc Hội Ấn Độ chủ trương đấu tranh công khai, ôn hòa, hợp pháp, không bạo động, không vọng ngoại và nhất là không liên kết với Quốc Tế Cộng Sản.

Với một dân số quá đông (gần 400 triệu, so với 20 triệu ở Việt Nam năm 1945), trong một xã hội lạc hậu, nghèo đói, thất học, với những mâu thuẫn trầm trọng về tôn giáo, chủng tộc, ngôn ngữ, đẳng cấp và giai cấp, cuộc đấu tranh tại Ấn Độ 10 lần khó hơn tại Việt Nam. Vậy mà, dưới sự lãnh đạo của Gandhi, Ấn Độ đã giành được độc lập 2 năm sau Thế Chiến II, trong khi dân tộc ta đã phải hy sinh xương máu ròng rã trong 30 năm.

1948: Miến Điện, Tích Lan và Palestine độc lập.

Người anh hùng dân tộc Miến Điện là Aung San (thân phụ bà Aung San Suu Kyi hiện lãnh đạo phong trào Dân Chủ tại Miến Điện). Cũng như Gandhi, Aung San tình nguyện chiến đấu trong Quân Đội Hoàng Gia Anh. Cùng với U Nu, ông thành lập Liên Đoàn Nhân Dân Tự Do Chống Phát Xít để hợp tác với Đế Quốc Anh, chống Nhật...

Năm 1948 Miến Điện được trao trả độc lập.

Tại Tích Lan Hiến Pháp năm 1931 ấn định thời gian tập sự tự trị là 15 năm. Với chủ trương “*Thiện Chí và Hợp Tác*” (Good Will and Cooperation), Đảng Quốc Gia Tích Lan đã giành được tự trị năm 1945 và độc lập năm 1948.

Cũng trong năm này Palestine thoát quyền giám hộ của Đế Quốc Anh.

1949: Nam Dương độc lập.

Sau các Đế Quốc Mỹ, Pháp, Anh đến lượt Đế Quốc Hoà Lan tự giải thể năm 1949. Phong trào giải phóng dân tộc Nam Dương được phát động bởi giới trí thức du học Hoà Lan. Trong khi Đảng Cộng Sản theo sách lược bạo động võ trang thì *Đảng Quốc Gia Nam Dương chủ trương đấu tranh ôn hòa bất bạo động bằng canh tân và giáo dục*. Sukarno lập Câu Lạc Bộ Văn Hoá Bandung và Hatta lập Hội Giáo Dục Quốc Gia Nam Dương để nâng cao dân trí và chấn hưng dân khí. Hatta du học 10 năm tại Hoà Lan và Sjahrir đã từng gia nhập Đảng Lao Động Hoà Lan trong thời gian du học.

Năm 1942 Nhật chiếm đóng Nam Dương, Sukarno hợp tác với Nhật. Tháng 8, 1945 Nhật đầu hàng Đồng Minh, Sukarno tuyên bố Nam Dương độc lập. Nhưng rồi quân đội Hoà Lan theo chân quân đội Anh sang giải giới quân đội Nhật, Sukarno chủ trương thương nghị với Hoà Lan.

Trong những năm 1946 và 1948, Đảng Cộng Sản Nam Dương phát động chiến đấu võ trang để phá thương nghị. Thời gian này nước láng giềng Phi Luật Tân đã được độc lập. Tổng Thống Truman vận động Liên Hiệp Quốc áp lực Hoà Lan phải hòa đàm với chính phủ Sjahrir. Lúc này Hoa Kỳ đang thực thi Kế Hoạch Marshall để tái thiết Âu Châu thời hậu chiến nên tiếng nói của Hoa Kỳ có trọng lượng đối với Hoà Lan. Hội Nghị Bàn Tròn La Haye được triệu tập dưới sự bảo trợ của Liên Hiệp Quốc. Tháng 12-1949, do Hiệp Ước La Haye, Hoà Lan thừa nhận chủ quyền độc lập của Nam Dương.

STALINE THIẾT LẬP ĐẾ QUỐC SÔ VIẾT.

Như vậy từ 1946 đến 1949 tất cả các đế quốc Tây Phương như Mỹ, Pháp, Anh, Hoà Lan đã lần lượt tự giải thể để trả độc lập cho 12 thuộc địa Á Châu.

Trong khi đó tại Đông Âu Staline thiết lập Đế Quốc Sô Viết bằng cách thôn tính 3 nước Baltic là Lituanie, Lettonie và Estonie. Sau đó Liên Xô dựng “*Bức Màn Sắt*” tại 7 nước Đông Âu là Ba Lan, Hung Gia Lợi, Tiệp Khắc, Đông Đức, Albanie, Bulgarie, và Roumanie. Từ đó,

chiến tranh lạnh hay chiến tranh ý thức hệ bộc phát giữa Quốc Tế Cộng Sản và Thế Giới Dân Chủ.

Các nhà lãnh đạo phe Thế Giới Dân Chủ như Truman, Churchill và De Gaulle *nhất quyết không trao Đông Dương cho Đảng Cộng Sản Đông Dương vì họ không muốn Staline mở rộng bức màn sắt từ Đông Âu qua Đông Á.*

Riêng tại Việt Nam, De Gaulle cũng nhất quyết không trao Nam Kỳ cho Hồ Chí Minh vì Nguyễn Ái Quốc là cán bộ của Staline tại Đông Nam Á.

Cũng vì vậy hồi tháng 12-1945 De Gaulle đã mời cựu hoàng Duy Tân từ đảo Réunion tới Paris thương nghị.

Nhiều tài liệu lịch sử cho biết De Gaulle đã chấp thuận trên nguyên tắc đề Duy Tân về nước đầu năm 1946. Trước đó, hai bên sẽ ký một hiệp ước công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do và tự trị trong Liên Bang Đông Dương và trong Liên Hiệp Pháp. Chính Phủ Việt Nam sẽ được toàn quyền quản trị về mặt nội bộ. Tuy nhiên vì lúc này Đảng Cộng Sản đã cướp chính quyền tại Miền Bắc, nên quân đội Pháp còn phải ở lại Việt Nam một thời gian với tư cách quân đội Liên Hiệp Pháp để yểm trợ Việt Nam giải quyết các vấn đề an ninh quốc nội (nội loạn) và an ninh quốc ngoại (ngoại xâm). *Theo quy chế Liên Hiệp Pháp, giữa Pháp và Việt Nam có nghĩa vụ an ninh hỗ trợ.* Do đó quân đội Pháp có nghĩa vụ bảo vệ biên cương của Việt Nam, đồng thời là biên cương của Liên Hiệp Pháp.

Rất tiếc là mùa Giáng Sinh 1945 Duy Tân đã tử nạn máy bay trên sa mạc Trung Phi trên đường từ Paris về đảo Reunion thăm nhà. Nhiều người cho đây là vụ phá hoại. Nguyên nhân phi cơ phát hỏa là vì "hết xăng". Đây là một nguyên nhân hy hữu vì không một phi hành đoàn nào chịu cất cánh nếu máy bay không chứa đủ xăng nhớt.

Việc Duy Tân mất đi là một đại bất hạnh cho Việt Nam cũng như cho Pháp. Vì nếu đầu năm 1946 Duy Tân về nước lập chính phủ quốc gia giành tự trị, độc lập và thống nhất cho Việt Nam thì chiến tranh Việt Pháp sẽ có cơ tránh được. Hồ Chí Minh sẽ không còn được độc quyền yêu nước và có lẽ chẳng còn ai muốn gia nhập Đảng Cộng Sản nữa (năm 1945 Đảng Cộng Sản chỉ có 5 ngàn đảng viên).

Lúc này Đảng Cộng Sản Pháp đã thông báo cho Staline và Hồ Chí Minh biết De Gaulle đã có giải pháp quốc gia về Việt Nam. Cũng vì vậy, ngày 11-11-1945, Hồ Chí Minh giải tán Đảng Cộng Sản Đông Dương. Rồi thành lập chính phủ liên hiệp quốc gia với sự tham gia của Cách Mạng Đồng Minh Hội (với Nguyễn Hải Thần) và Việt Nam Quốc Dân Đảng (với Vũ Hồng Khanh và Nguyễn Tường Tam) để làm bình phong thương nghị với Pháp.

Ngày 6-3-1946 tại Hà Nội, nhân danh chính phủ liên hiệp, Hồ Chí Minh ký Hiệp Ước Sơ Bộ Sainteny và chấp thuận mọi điều khoản mà De Gaulle đã thỏa thuận với Duy Tân: Việt Nam là một nước tự do và tự trị trong Liên Bang Đông Dương và trong Liên Hiệp Pháp. 15 ngàn quân Pháp được đồn trú tại Bắc Kỳ trong thời hạn 5 năm.

Sau đó ngày 14-9-1946 tại Paris, Hồ Chí Minh đã đến nhà riêng của Moutet để xin ký Thỏa Ước Tạm Thời (Marius Moutet là đồng chí cũ trước khi Nguyễn Ái Quốc bỏ đảng Xã Hội để gia nhập Đảng Cộng Sản Pháp).

Tuy nhiên mặc dầu lúc này De Gaulle đã từ nhiệm, các nhà lãnh đạo Thế Giới Dân Chủ vẫn nhất quyết không trao Đông Dương cho Đảng Cộng Sản Đông Dương.

Theo chỉ thị của Quốc Tế Cộng Sản Hồ Chí Minh phát động chiến tranh vũ trang ngày 19-12-1946.

Bằng hành động gây chiến này Hồ Chí Minh đã vi phạm Hiệp Ước Sơ Bộ Sainteny và Thỏa Ước Tạm Thời Moutet.

Do đó, 3 tháng sau, tháng 3, 1947, Hội Đồng Chính Phủ Ramadier cùng Hội Đồng các Chính Đảng Pháp công bố Quyết Nghị về chính sách mới của Pháp tại Việt Nam, theo đó Pháp tán thành nguyện vọng chính đáng của nhân dân Việt Nam về độc lập và thống nhất.

Điều đáng chú ý là lãnh tụ Cộng Sản Maurice Thorez và lãnh tụ Xã Hội Marius Moutet đã ký tên vào Quyết Nghị này cùng với Thủ Tướng Ramadier.

Ngoài ra, cũng trong năm 1947 tại Liên Hiệp Quốc, Pháp đã chính thức đăng ký 3 nước Đông Dương (Việt Miên Lào) là những quốc gia độc lập.

Như vậy từ năm 1947 Pháp đã quyết định trao trả độc lập và thống nhất cho Việt Nam và đã đăng ký Việt Nam là một quốc gia độc lập tại Liên Hiệp Quốc. (Sở dĩ Việt Nam không được gia nhập Liên Hiệp Quốc vì gặp sự phản kháng của Liên Xô hành sử quyền phủ quyết.)

Năm 1947, nếu Hồ Chí Minh là người yêu nước, nếu Nguyễn Ái Quốc là nhà ái quốc biết đặt quyền lợi quốc gia dân tộc lên trên quyền lợi đảng phái, thì ông ta đã phải ngưng chiến cho phe quốc gia có điều kiện hòa đàm và ký kết với Pháp một hiệp ước để giành lại độc lập và thống nhất cho Việt Nam.

Tuy nhiên Hồ Chí Minh không phải là người yêu nước, Nguyễn Ái Quốc không phải là nhà ái quốc nên ông ta vẫn tiếp tục đẩy tới chiến tranh vũ trang để phá vỡ mọi giải pháp độc lập quốc gia.

Mặc dầu vậy các Chính Phủ Pháp kế tiếp vẫn trung thành với Quyết Nghị của các Hội Đồng Chính Phủ và Chính Đảng Pháp năm 1947.

Tháng 12, 1947, Cao Ủy Bollaert ký Hiệp Ước Sơ Bộ Vịnh Hạ Long với Quốc Trưởng Bảo Đại để thừa nhận chủ quyền độc lập của Việt Nam. Hiệp Ước Sơ Bộ này được chính thức hóa bởi *Thông Cáo Chung Vịnh Hạ Long tháng 6, 1948* ký kết giữa Cao Ủy Bollaert và Tướng Nguyễn văn Xuân, Thủ Tướng Chính Phủ Quốc Gia Lâm Thời, với sự bồi thục của Quốc Trưởng Bảo Đại. Theo Hiệp Ước này Pháp long trọng thừa nhận nền độc lập của Việt Nam và Việt Nam được tự do tiến hành thủ tục thực hiện thống nhất quốc gia chiếu nguyên tắc Dân Tộc Tự Quyết.

Và tại Điện Elysée (Paris) Tổng Thống Vincent Auriol, nhân danh TổngThống Cộng Hòa Pháp và nhân danh Chủ Tịch Liên Hiệp Pháp, đã ký với Quốc Trưởng Bảo Đại **Hiệp Định Elysée ngày 8-3-1949 Công Nhận Việt Nam Thống Nhất và Độc Lập** trong Liên Hiệp Pháp. (Quy chế Liên Bang Đông Dương đã bị bãi bỏ)

Do Quyết Nghị ngày 23-4-1949 Quốc Hội Nam Kỳ đã giải tán chế độ Nam Kỳ tự trị và sát nhập Nam Phần vào lãnh thổ Quốc Gia Việt Nam độc lập và thống nhất.

Ngày 6-6-1949 Quốc Hội Pháp phê chuẩn Hiệp Định Elysée về việc giao hoàn Nam Kỳ cho Quốc Gia Việt Nam độc lập và thống nhất.

Chúng ta không nên có thành kiến cho rằng gia nhập Liên Hiệp Pháp là vi phạm chủ quyền quốc gia. Vì các nước Ấn Độ, Đại Hôi, Canada, Úc Đại Lợi, Tân Tây Lan v...v... cũng là những quốc gia độc lập trong Liên Hiệp Anh.

Về mặt an ninh quốc phòng, nếu năm 1949 Việt Nam không gia nhập Liên Hiệp Pháp thì quân đội viễn chinh Pháp phải rút khỏi Việt Nam (như tại Syrie và Liban năm 1946). *Và chỉ trong một vài tuần lễ (như tại Nam Hàn năm 1950), phe Quốc Tế Cộng Sản sẽ nhuộm đỏ toàn thể bán đảo Đông Dương.*

Khách quan mà xét, năm 1949 độc lập trong Liên Hiệp Pháp là giải pháp tối ưu cho Việt Nam. Chúng ta có thể sử dụng các chuyên viên Pháp là những người am hiểu phong tục tập quán, biết rõ dân tình nước ta, lại có những kinh nghiệm về khai thác nông lâm súc, công kỹ nghệ thương mại, xây cất cầu cống, đường sá, sông ngòi, hải cảng, cồn đảo ... Ngoài ra họ còn có thể cố vấn chúng ta để xây dựng một nền giáo dục phổ thông, một nền hành chính hiện đại và một nền tư pháp độc lập để tiến tới tam quyền phân lập và dân chủ pháp trị.

Về mặt phát triển chúng ta có sẵn thị trường Liên Hiệp Pháp để xuất cảng các hàng hóa và các nông, lâm, khoáng sản ... *Do đó, năm 1949, độc lập trong Liên Hiệp Pháp là giải pháp tối ưu cho Việt Nam.*

Nhưng rồi Đảng Cộng Sản đã đưa dân tộc ta vào con đường chông gai chết chóc trong suốt 40 năm (từ 1949 đến 1989).

Đại hạnh của Ấn Độ là có Gandhi theo Chủ Nghĩa Dân Tộc.

Đại bất hạnh của Việt Nam là có Hồ Chí Minh theo Chủ Nghĩa Cộng Sản.

Tổng kết lại, Chiến Tranh Đông Dương Thứ Nhất có thể chia làm 3 giai đoạn:

1) 1946-1947: chiến tranh võ trang.

2) 1947-1949: hoà đàm và thương nghị.

3) 1949-1954: chiến tranh ý thức hệ giữa Quốc Tế Cộng Sản và Thế Giới Dân Chủ (như Chiến Tranh Triều Tiên). Vì từ 1949 Việt Nam đã giành được độc lập nên chiến tranh không phải để giải phóng dân tộc, mà là một phương tiện để Cộng Sản cướp chính quyền.

Chỗ tế nhị là phe Thế Giới Dân Chủ đã được đại diện bởi Liên Hiệp Pháp, một tổ chức sáng lập bởi Cộng Hòa Pháp là một quốc gia bị mang tiếng đã thôn tính Việt Nam làm thuộc địa để khai thác. Hơn nữa năm 1946 Quân Đội Pháp đô bộ Hải Phòng với tư cách Quân Đội Viễn Chinh. Kể từ 1949 Quân Đội Pháp chiến đấu dưới danh nghĩa Quân Đội Liên Hiệp Pháp tại Đông Dương để bảo vệ biên thùy của Việt Nam. Sự thay đổi danh nghĩa là một vấn đề pháp lý tế nhị mà người dân khó có thể nhận định được.

HIỆP ĐỊNH ĐÌNH CHIẾN GENÈVE VÀ HIỆP ĐỊNH HÒA BÌNH PARIS.

Chiến Tranh Đông Dương Thứ Nhất kết thúc bởi Hiệp Định Đình Chiến Genève ngày 20-7-1954 (Geneva Armistice Agreement) giống Hiệp Định Đình Chiến Bàn Môn Điểm ngày 27-7-1953 tại Triều Tiên (Panmunjom Armistice Agreement).

Hiệp Định Genève là một hiệp ước thuần túy quân sự có tác dụng “đình chiến và ấn định một giới tuyến quân sự tạm thời”. Tại vùng giới tuyến thuộc quyền kiểm soát của quân đội bên nào thì chính quyền bên ấy phụ trách việc quản trị hành chính.

Vì là một hiệp ước quân sự, Hiệp Định Genève chỉ mang chữ ký của 2 tướng lĩnh: Đại diện Quân Đội Bắc Việt là Thiếu Tướng Tạ Quang Bửu (là người đã ký cả 3 Hiệp Định Geneva với tư cách đại diện cho cả Kmer Đỏ và Pathet Lào). Quân Đội Liên Hiệp Pháp tại Đông Dương do Thiếu Tướng Henri Delteil đại diện.

Vì không tham chiến ở Việt Nam nên Hoa Kỳ không ký vào Hiệp Định Genève.

Quốc gia Việt Nam cũng không ký. Chiều Hiệp Định Elysée 1949, Việt Nam là một hội viên liên kết của Liên Hiệp Pháp. Khi có chiến tranh, quân đội Việt Nam và quân đội Pháp sẽ cùng chiến đấu dưới danh nghĩa quân đội Liên Hiệp Pháp. Một Bộ Tham Mưu Hỗn Hợp được thành lập với một tướng lĩnh Pháp làm tư lệnh hành quân và một tướng lĩnh Việt Nam làm tham mưu trưởng. Vì Hiệp Định Genève là một hiệp ước thuần túy quân sự, nên về phía Liên Hiệp Pháp chỉ cần có chữ ký của vị tư lệnh hành quân Henri Delteil là đủ.

Ngày hôm sau, 21-7-1954, một *Bản Tuyên Ngôn Sau Cùng* khuyến cáo hai miền Nam Bắc tổ chức tổng tuyển cử năm 1956. Tuy nhiên tuyên ngôn không phải là hiệp ước. *Vì đây chỉ là bản Tuyên Ngôn Ý Định (declaration d'intention) không mang chữ ký của bất cứ phái đoàn nào (kể cả Bắc Việt) nên không có giá trị pháp lý* (Cũng như các bản Tuyên Ngôn Độc Lập của Bảo Đại ngày 11-3-1945, của Hồ Chí Minh ngày 2-9-1945 và của Sukarno ngày 17-8-1945).

Và lại cũng trong ngày 21-7-1954, Ngoại Trưởng Quốc Gia Việt Nam Trần Văn Đỗ và Trưởng Phái Đoàn Hoa Kỳ Bedell Smith đã ra tuyên cáo *minh thị phản kháng* sự áp đặt các giải pháp chính trị trong một hiệp ước quân sự, mà không có sự thỏa thuận của phái đoàn Quốc Gia Việt Nam.

Hiệp Định Đình Chiến Genève, theo danh xưng, chỉ là một bản hiệp ước thuần túy quân sự để định *ranh giới ngưng bắn* theo một giới tuyến (*vĩ tuyến 38 tại Triều Tiên, vĩ tuyến 17 tại Việt Nam*). Nó không áp đặt những giải pháp chính trị. Vấn đề thống nhất Nam Bắc là một vấn đề chính trị thuộc quyền dân tộc tự quyết sẽ do hai quốc gia ấn định sau này (như trường hợp Triều Tiên: sau hơn 50 năm vẫn chưa có giải pháp chính trị). *Do đó Việt Nam Cộng Hoà không vi phạm Hiệp Định Genève khi khước từ tổng tuyển cử năm 1956.*

Hiệp Định Hòa Bình Paris 1973 (Paris Peace Agreement) trái lại, là một hiệp ước ngoại giao và có tác dụng chính trị. Trước hết về mặt nghi thức nó mang chữ ký của các đại biểu các quốc gia hay chính phủ kết ước:

Trần Văn Lắm, Ngoại Trưởng Việt Nam Cộng Hòa

Williams Roger, Ngoại Trưởng Hoa Kỳ

Nguyễn Duy Trinh, Ngoại Trưởng Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và

Nguyễn Thị Bình, Ngoại Trưởng Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam

Điều 15 Hiệp Định Hòa Bình Paris quy định rằng: “Việc thống nhất Việt Nam sẽ được thực hiện từng bước bằng phương pháp hoà bình trên căn bản thương nghị và thỏa thuận giữa Miền Bắc và Miền Nam, không bên nào cưỡng ép bên nào, không bên nào thôn tính bên nào. Thời gian thống nhất sẽ do Miền Bắc và Miền Nam đồng thỏa thuận” [theo nguyên tắc nhất trí]

Vậy mà hai năm sau, năm 1975, khi chữ ký của họ còn chưa ráo mực, Bắc Việt phát động chiến tranh võ trang để thôn tính Miền Nam. Hội trường đã nhường chỗ cho chiến trường, thương nghị thỏa thuận đã bị bạo lực cưỡng chế, và phương pháp hòa bình đã bị chiến tranh võ trang xoá bỏ.

Đây là một vi phạm thô bạo Hiệp Định Hòa Bình Paris.

Luật pháp văn minh của loài người đã bị thay thế bởi luật rừng xanh.

KẾT LUẬN

Nói tóm lại:

1) Phủ nhận chủ nghĩa dân tộc, Đảng Cộng Sản đã phạm sai lầm chiến lược khi theo Quốc Tế Cộng Sản để đấu tranh bạo động vũ trang khiến dân tộc ta phải hy sinh xương máu dòng đã 40 năm.

2) Đảng Cộng Sản không có công giành độc lập năm 1954 vì Việt Nam đã được độc lập từ 1949 chiếu Hiệp Định Elysée. Hơn nữa, Việt Nam đã được đăng ký tại Liên Hiệp Quốc là một quốc gia độc lập từ 1947.

3) Đảng Cộng Sản không có công thống nhất đất nước năm 1975 vì Việt Nam đã được thống nhất năm 1949 khi Quốc Hội Nam Kỳ biểu quyết giải tán chế độ Nam Kỳ tự trị để sát nhập Nam Phần vào lãnh thổ quốc gia Việt Nam độc lập và thống nhất.

4) Trên bình diện dân tộc 3 cuộc Chiến Tranh Đông Dương là những cuộc chiến tranh vô ích, vô lý và vô nghĩa.

5) Vì vậy Đảng Cộng Sản không có tư cách và không có tính chính thống để độc quyền lãnh đạo quốc gia từ trước tới nay và từ nay về sau. Và chế độ CS phải được giải thể để cho người dân được quyền mưu cầu hạnh phúc trong chế độ Dân Chủ Pháp Trị, trong đó các dân quyền và nhân quyền được tôn trọng, kinh tế quốc gia được phát triển và công bằng xã hội được thực thi.

Luật Sư NGUYỄN HỮU THỐNG

Chủ Tịch Ủy Ban Luật Gia Bảo Vệ Dân Quyền

CHÚ THÍCH

1) Hai quốc gia còn lại là Mã Lai và Tân Gia Ba trong Liên Bang Mã Lai Á. Năm 1948 Đảng CS Mã Lai lập chiến khu chiến đấu vũ trang. Để dẹp nội loạn, chính phủ Anh ban hành tình trạng thiết quân luật. Từ năm 1952 Đảng Quốc Gia Mã Lai đưa ra chủ trương “độc lập do hợp tác chủng tộc” kết hợp các sắc dân Mã Lai, Trung Hoa và Ấn Hồi. Luật Sư Abdul Rahman đã từng làm phó chương lý tại Anh. Abdul Razah phục vụ trong quân đội Hoàng Gia Anh thời Thế Chiến Hai. Sau 5 năm tự trị, Mã Lai được độc lập năm 1957.

Năm 1959 đến lượt Tân Gia Ba được giải phóng do chủ trương “độc lập nhờ liên lập” (với Mã Lai trong Liên Bang Mã Lai Á). Luật Sư Lý Quang Diệu đã từng gia nhập Luật Sư Đoàn Luân Đôn và Đảng Lao Động Anh trong thời gian du học.

Năm 1989, khi hòa bình Đông Dương vẫn hồi, dân số tại 3 nước Đông Dương là 61 triệu và tại 11 cựu thuộc địa Á Châu khác là 1 tỷ 40 triệu.

2) Nguyễn Khắc Ngữ: Bảo Đại, các Đảng Phái Quốc Gia và sự Thành Lập Chính Quyền Quốc Gia.

Ấn Bản Anh Ngữ “Restoring The Historic Truth”

RESTORING THE HISTORIC TRUTH

NGUYEN HUU THONG, ESQ.

To cast down the communist party's limelight, let's read the following set of compiled documents pertaining to the role of the communist party in struggling for independence and reunification.

To detain the legitimacy and monopoly of leadership, the communist party has relied on the Ho Chi Minh's myths, used camouflage and deceit, false humaneness and false trustworthiness in their seizing the just cause. It placed the communist revolution on the fore of the war of national liberation against colonialism.

A couple of months after its establishment, in September 1930, the Indochinese Communist Party launched the class struggle in the Soviet Nghe Tinh Campaign with the slogan "Uprooting intellectuals, rich farmers, landlords, and village officials." Obviously, the drive meant no national liberation, and it showed the real face of communism in its inception.

In the 1930's the slogan the Indochinese Communist Party used was "Violent Revolution for Land and Independence." Class struggle through agrarian reform was crucial; and independence was but a label, an expedient or tactics to attain the strategic objective to seize power. The communists' number one enemy is not imperialism but nationalism. Loyal to the Communist International's strategy Ho Chi Minh has overtly condemned the Phan Chu Trinh's reform as theatrical.

Under the eyes of the Communist International, all Asian political parties advocating non-violent struggle through political and diplomatic channels are termed followers of reformed nationalism, such as the Congress Party in India; Nationalist Parties in the Philippines, Indonesia, Malaysia, Ceylon; People Parties in Singapore, Burma, Syria etc... Even the Communist Party of Tito in Yugoslavia was labeled reactionary because it had nationalist tendencies and did not follow Stalinism.

After the Soviet Nghe Tinh Campaign, the Communist International severely criticized the Indochinese Communist Party as "lacking the understanding of the dangerous character of reformed nationalism, and failing to fight it." The reason evoked was, "reformed nationalism is an extremely dangerous and destructive force for the revolution of the proletariat. The leadership monopoly of the proletariat cannot be achieved if reformed nationalism is not totally wiped out. The experiences of China and India were examples of the backward and reactionary reformed nationalism. The Party must on its own educate and control its ranks in the permanent fighting against reformed nationalism, seeing it as an anti-revolutionary tool of capitalism. If the prestige of reformed nationalism is not destroyed, the agrarian reform and the anti-colonialist revolution cannot win. One of the followers of reformed nationalism is the Vietnamese Kuomintang".

In about the same time, the Indochinese Communist Party warned their members that, "you should not misunderstand that when we celebrate the Yen Bay uprising we agreed with nationalism and totally respected the leaders of the Vietnamese Kuomintang. We should make use of this observance to clarify for the sake of the nation's great masses of workers and peasants that *communism and nationalism are completely opposite and they can never be compatible.*"

As international communism condemned Gandhi as a nationalist reformist, henchman of the British Empire, Ho Chi Minh also criticized Phan Chu Trinh as "having asked the French to achieve reformism. This is a mistake and is no different from begging pity from the enemy." (Tran Dan Tien: *Anecdotal Compilations on the Life of Chairman Ho*).

The above is the Indochinese Communist Party's standpoint on nationalism. Nevertheless, one knows that afterwards, Ho Chi Minh used deceitfulness and camouflage by hiding communism under the label of nationalism to win the just cause and seize power.

In the preface of the book "*Ho Chi Minh in China, a false nationalist*" by Tuong Vinh Kinh, Hoang Ly Luc commented that Ho Chi Minh had copied Mao Tse Tung's *false nationalism*: "If communism can thrive, on the one hand, it leans on nationalism, but on the other, it plots to destroy nationalism's power".

"While the Chinese Communists put on a nationalist robe to win the just cause, took advantage of the Sino-Japanese war to strengthen their forces and to establish maquis, Ho Chi Minh also created the national front (Viet Minh), the coalition front (Lien Viet), the front of liberation (of the South), to prepare for an armed war and to destroy nationalist parties. He follows a simple principle that is whatever agrees with his interests, he would not hesitate to take advantage of, and whatever stands in his way, he would have recourse to any means to get rid of or destroy. *His growth was not due to communism*. He used many false names, fake organizations, pretended to practice nationalism to camouflage his objective of seizing power. In 1944, the Great Vietnam Party (Dai Viet) and the Vietnam Kuomintang joined together to elect a Central Executive Committee comprising 29 members, all chosen among the Vietnamese elite. Since this party possessed strong bases in Vietnam, it became a tough adversary of the Viet Minh on the road to seize power.

Because of the above reason, Viet Minh severely criticized the Dai Viet Party as "following the enemy's shadow in a shameless manner, setting up schemes to help the wicked." In truth, setting up schemes to help the wicked was just the devious acts of Ho Chi Minh. All his activities aimed solely at organizing and developing the party. *Whether or not Vietnam could attain independence was only of secondary importance.*" (Tuong Vinh Kinh, *ibid*).

In the last 70 years, the communist party has been using camouflage and deceit to seize power with its three objectives of independence, freedom, and happiness.

- 1) As far as the fighting for independence objective is concerned, the communist party followed *false nationalism*.
- 2) As far as the carrying out freedom and democracy objective is concerned, the communist party followed *false democratic socialism*.
- 3) As far as the pursuit of happiness objective is concerned, the communist party followed *false social justice, false land reform and false market economy*, the so-called socialist-oriented market economy.

THE COMMUNIST PARTY DID NOT DESERVE ANY CREDIT FOR THE INDEPENDENCE AND REUNIFICATION OF THE COUNTRY

In February 2000, the Hanoi authorities solemnly celebrated the 70th anniversary of the Indochinese Communist Party. On that occasion, they cited the achievements in the last half-century to confer upon themselves the legitimacy to hold the monopolistic leadership of the nation since then and from now onto the future.

The following is an objective evaluation -free from prejudice and propaganda arguments- of the policy lines of the Indochinese Communist Party:

ON THE NATURE OF THE COMMUNIST STRUGGLE

(a) *In its policies on national liberation, the Indochinese Communist Party advocated an armed, foreign-oriented, and closely linked to international communism struggle.* On the national standpoint, these policies were strategic mistakes leading to the loss of lives of 3 million Vietnamese youths belonging to 3 successive generations in the 3 Indochinese wars:

- 1) The First Indochinese War against France and South Vietnam lasting 8 years (1946-1954),
- 2) The Second Indochinese War against the Democratic World (South Vietnam, the U.S.A. and Allies) lasting 20 years (1955-1975), and
- 3) The Third Indochinese War against neighbors lasting 10 years (The Cambodian-Vietnamese War ended in 1989 due to an intervention of the United Nations).

(b) Of the 14 former colonies, protectorates and mandates in Asia, only the three Indochinese countries under the control of the Indochinese Communist Party adopted a form of struggle that was violent and closely linked to the Communist International. On the contrary, all other countries led an open, moderate, non-violent and primarily non-linked to the Communist International, struggle.

Moreover, while the Indochinese Communist Party aligned itself with the Communist International to lead an armed fight aiming at toppling Western capitalist empires, nationalist parties in Asia promoted cooperation and negotiation with former colonialist powers to obtain autonomy in a first phase and independence in the next. This policy saved bloodshed and time, the latter was, as a matter of fact, shortened drastically *from 1 to 4 years after World War II* instead of 30 years as in the Vietnam case.

(c) From 1946 to 1949, all Western empires have on their own, successively dissolved to return independence to their Asian colonies:

- 4) In 1946: the Philippines, a U.S.'s colony; Syria and Lebanon, French colonies;
- 5) In 1947: India and Pakistan, British colonies;
- 6) In 1948: Burma, Ceylon, and Palestine, British colonies.
- 7) In 1949: Vietnam, Laos, Cambodia, French colonies, Indonesia, a Dutch colony (1).

(d) In 1919, at the League of Nations (the predecessor of the United Nations), President Woodrow Wilson submitted the right of national self-determination to encourage Western empires to step-by-step return autonomy and independence to Asian and African colonies. Since then, began the gradual disbandment of the Western empires as a natural evolution of history. This process started in 1935 when the United States of America handed autonomy to the Philippines and in 1936 when France granted autonomy to Syria and Lebanon.

From the above evaluation, history has demonstrated that a non-violent, non over-reliance on foreign powers, non-alliance with the Communist International was the wisest and most efficient approach to secure autonomy and independence for the nation.

On the contrary, staying in the Communist International's ranks to wage an armed struggle aiming at toppling Western colonialist empires was a strategic mistake. The meaning of the struggle for independence is lost. It becomes instead an ideological warfare between the Communist International and the Democratic World. The saying goes, "when the cattle butt, flies and mosquitoes die!" Three million victims in Korea, 3 million in Vietnam, 2 million in Cambodia, and 1 million in Afghanistan, sacrificed their lives not for national independence, but for the communist party to seize power.

HOW INDEPENDENCE WAS OBTAINED

1) Faithful to the Communist International, the Indochinese Communist Party has denied nationalism (2). *It never wrested independence for the sake of the nation. It never perceived that independence was the ultimate end, a strategic objective that should be attained at any price, any sacrifice, including the sacrifice of private rights and benefits of the party.* History shows that the Indochinese Communist Party only used the struggle for independence as a label, a tactic or an expedient to attain its strategic objective that is the seizure of power. It rejected any solution that didn't allow it to usurp the monopoly of power.

2) On March 27, 1947, the Ramadier Cabinet and the Council of French Political Parties (The Congress leadership) made public a Resolution on the new policy in Vietnam. The Resolution indicated that France no longer sought to restore colonies in Asia. France agreed with the legitimate aspirations of the people of Vietnam on independence and reunification (the three regions of Vietnam have the same history, the same culture, and the same language) (3).

Most noteworthy was the fact that in 1947, France had officially registered Vietnam as an independent nation at the United Nations (4).

3) *Vietnam's independence was recognized by the Elysee Treaty of March 8, 1949 signed by President Vincent Auriol and Chief of State Bao Dai.*

On February 2, 1950, the French Congress ratified the Elysee Treaty. Since then, in accordance with international law, all colonial and protectorate treaties signed by France and Vietnam in the second half of the 19th century were abrogated (5).

About the same time, the Chinese communists took over the whole Chinese mainland. It was in their strategy that the control of the Chinese mainland was the beginning of the communization of the Indochinese and Korean peninsulas. Facing with this nightmare, leaders of the Democratic World decided to hold tight Vietnam within the ranks of the free world.

Since Vietnam was associated to France, the two countries had the duties of protecting their mutual security. And because of the threat of a civil war and of an invasion, France had the duty to bring or station troops to protect the borders of Vietnam. Per the statute of the French Union, the borders of Vietnam were the borders of the French Union and also that of the Democratic World.

Even if the sovereignty of Vietnam has been recognized, the Indochinese Communist Party kept on denying this independence. It continued its armed struggle to seize the monopoly of patriotism, the monopoly of resistance, the monopoly to sign treaties with France, and the monopoly of leadership.

To incite the people to an armed fight, the Indochinese Communist Party falsely declared that France brought its troops back to Vietnam to restore the colonialist regime; therefore, the people must fight against the French to regain national independence.

Obviously, the above was but a distorted propaganda argument. Since 1947, the French Cabinet and the Council of French Political Parties had decided not to restore the colonialist regime in Asia, and supported the Vietnamese people's aspiration for independence. One year earlier, in 1946, France had handed independence to Syria and Lebanon. Also in 1947, France had registered Vietnam as an independent state at the United Nations. And in 1949, per the Elysee Treaty, the French President and Congress had recognized the Vietnamese sovereignty for independence and reunification.

ON THE REUNIFICATION OF THE COUNTRY

a) In 1975, the Indochinese Communist Party did *not* deserve any credit in the reunification of Vietnam. The reason was simple: according to international law, the State of Vietnam had been independent in 1949 per the Elysee Treaty of March 8, 1949. On April 23, 1949, the Congress of the Southern Region has further dissolved the autonomous Southern Region to annex its territory into an independent and unified Vietnam.

b) However, the Indochinese Communist Party has denied this independence and sabotaged this reunification. The reason was the Elysee Treaty did not grant it the monopoly of power. The Communists did continue their armed struggle, signed the Geneva Agreement of 1954 to divide the country and seized power in the North. And again, they did continue their armed struggle to invade the South in 1975.

Since 1955, the Indochinese Communist Party's propaganda machine voiced their argument that the U.S.A. has replaced France in the domination of South Vietnam. Therefore, they had to fight against the Americans to liberate the South. Again, this argument was sheer distorted propaganda, because American troops fought in Korea in the 50's and in Vietnam in the 60's and 70's, not for colonizing these two countries but to protect the borders of the Democratic World.

Our forebears have drawn the map of Vietnam since the early 19th century. Afterwards, because of weakness, they had to yield to France the 6 southern provinces. In 1949, our compatriots of the South exercised their right to national self-determination to reshape our map from Nam Quan to Ca Mau. From his own hand, Ho Chi Minh tore up this map in two parts in 1954 to control the North. And also through armed fighting, in 1975, his comrades completed the conquest of the South. Then, they taped the two sections of the map and boasted that "Ho Chi Minh was the architect of the reunification of the country."

We bring forth these facts in the quality of a scholar studying history and the law, not of a propaganda cadre for any doctrine or any political regime.

A COMPARATIVE STUDY OF THE MOVEMENTS

FOR NATIONAL LIBERATION IN ASIA

For the sake of an objective view of the struggle for independence in Vietnam, let's compare it with others in Asia.

After World War II, of the 14 colonies, protectorates, and mandates in Asia, only the three Indochinese countries under the leadership of the Indochinese Communist Party used armed struggle with violence and connection with international communism. *On the contrary, the remaining 11 Asian countries used open, peaceful, legal, non-violent struggle and non-connection with the Communist International.*

From 1946 to 1949, in Asia, all the U.S., French, English, Dutch, empires have dissolved on their own to hand back independence to their colonies, protectorates, and mandates.

1946: the Philippines' independence

The United States of America was the vanguard country in liberating colonies. Itself a former colony, the U.S. had a deep-rooted tradition of struggle for national liberation. Therefore, it sympathized with the movements for national liberation in Asia and Africa.

In the earlier 1930's, Lawyer Quezon, the leader of the Philippine Nationalist Party, came to Washington to lobby at the American Congress for the autonomy and independence of the Philippines. In 1934, the American Congress passed the Tydings-McDuffie Act to recognize the Philippines as a dominion as of 1935. The Act provided that 10 years later, on the U.S. Independence Day (July 4, 1945), the Philippines should recover full independence. However, on that day, the Pacific War had not ended, and the Philippines had therefore to wait until July 4, 1946, one year later, to gain independence.

During the war, Lawyer Quezon was invited to participate in the Pacific War Commission and his assistant, Lawyer Roxas gathered intelligence for General McArthur.

The Philippine Nationalist Party's slogan was "*Independence through Cooperation,*"

1946: Syria's and Lebanon's independence

If the United States of America has a tradition of struggle for national liberation, France also has the most progressive traditions of liberty, equality, and fraternity in the history of humanity.

In Syria, leading the movement for national liberation was the People's Party, and in Lebanon, Lawyer Dabbas led the drive for independence. Dabbas had been a student in Paris where he learned that beside the conservative parties that wanted to maintain colonies, the French Socialist Party on the contrary, advocated the liberation of the workers and the colonies.

In 1936, the Popular Front took power and the Socialist Prime Minister Leon Blum signed treaties to hand autonomy to Syria and Lebanon. And 10 years later, in 1946, French troops withdrew and independence was granted to these two nations.

1947: India's and Pakistan's independence

After the dissolution of the American and French Empires, the British Empire began to dismantle. Until the Second World War, Great Britain had created the greatest empire of all ages from North America to Europe, Africa, Asia, and Australia. The saying goes, "the sun never sets on the British Empire." Yet, only 2 years after World War II, in Asia, the British Empire began to dissolve.

In India, the three national leaders Gandhi, Nehru and Jinnah joined the London Bar Association. They knew that beside the Conservative Party that advocated the preservation of colonies, there was also the Labor Party that supported the liberation of the workers and the colonies.

In 1947, Labor Prime Minister Clement Attlee handed independence to India and Pakistan and the following year, returned independence to Burma, Ceylon and Palestine, in spite of vehement protests from Churchill, leader of the Conservative Party.

Different from the Indochinese Communist Party, the Indian Congress Party led a struggle for independence that was open, peaceful, legal, non-violent, not foreign-oriented, and primarily not linked to the Communist International.

With a huge population of 400 million (compared with 20 million of Vietnam in 1945), in a backward, poor, illiterate society, with drastic contradictions in religions, races, languages, classes, castes, the struggle in India was tenfold more difficult than that of Vietnam. Yet, India has attained independence 2 years after World War II, while our people had to sacrifice their lives for over 30 years (6).

1948: Burma's, Ceylon's, and Palestine's independence.

The national hero of Burma was Aung San, (father of Mrs. Aung San Suu Kyi, the current leader of the Democratic Movement in Myanmar). Like Gandhi, Aung San volunteered to serve in the British Royal Army. Along with U Nu, he founded the Anti-Fascist League for Freedom to fight Japan.

In 1948, Burma regained independence.

In Ceylon, the 1931 Constitution set the time for autonomy to be 15 years. With the policy of “*Good Will and Cooperation*,” the Ceylon Nationalist Party obtained autonomy in 1945 and independence in 1948.

1949: Indonesia’s independence

After the British, American, and French, the Dutch dismantled their empire in 1949.

The Indonesian movement for national liberation was launched by intellectuals who had been students in the Netherlands. While the Communist Party followed a policy of armed violence, the Indonesian Nationalist Party asked for reform and education. Sukarno established the Bandung Cultural Club and Hatta formed the Indonesian National Education Association to enhance the people’s intellect and to vivify the people’s energy. Hatta studied 10 years in the Netherlands and Sjahrir has joined the Dutch Labor Party while studying in that country.

In 1942, Japan occupied Indonesia. Sukarno cooperated with the Japanese. In August 1945, Japan surrendered to the Allies, Sukarno proclaimed Indonesia’s independence. Then the Dutch Army followed the British Army to disarm Japanese forces, Sukarno advocated negotiation with the Netherlands.

In 1946 and 1948, the Indonesian Communist Party launched armed struggles to sabotage the negotiations. During that time, the neighboring country of the Philippines had gained independence. President Truman convinced the United Nations to exert pressure on the Netherlands to conduct peace negotiations with Sjahrir. That was the time when the U.S. carried out the Marshall Plan for the post-war reconstruction of Europe. As a result the American voice had more weight on the Netherlands. A Round Table Conference was convened under the sponsorship of the United Nations. In December 1949, The Hague Treaty recognized the independence of Indonesia.

STALIN CREATED THE SOVIET EMPIRE

Thus far in Asia, from 1946 to 1949, all the British, American, French, and Dutch empires successively dissolved themselves and handed independence to former Asian colonies.

At the same time, in Eastern Europe, Stalin created a new empire called the Soviet Empire through the annexation of the three Baltic States of Lithuania, Latvia, and Estonia and the establishment of the “Iron Curtain” in Poland, Hungary, Czechoslovakia, East Germany, Albania, Bulgaria, and Romania. Since then, the cold war, or ideological war, broke out between the Communist International and the Democratic World.

The leaders of the Democratic World such as Truman, Churchill, and De Gaulle refused to hand Indochina to the Indochinese Communist Party because they did not want Stalin to expand his Iron Curtain from Eastern Europe to Eastern Asia.

Especially in Vietnam, De Gaulle rejected any plan to give the south region to Ho Chi Minh because Nguyen Ai Quoc was a cadre of the International Communist in South East Asia. *That firm standpoint was the cause of his inviting former Emperor Duy Tan to come to Paris from the Reunion Island for negotiations in December 1945.*

Many documents confirmed De Gaulle's approval in principle to let Duy Tan return to Vietnam in early 1946. Both sides would beforehand sign a treaty to recognize Vietnam as a free and autonomous country within the Indochinese Federation and the French Union. The Vietnamese government would have complete domestic self-rule. Nevertheless, by that time, since the Indochinese Communist Party had seized power in North Vietnam, French troops had to stay for a while in the quality of French Union troops to assist Vietnam in internal security (civil war), and national defense (invasion). According to the statute of the French Union, France and Vietnam had the duties of safeguarding mutual security. Therefore, the French Army must protect the borders of Vietnam that were conjointly the borders of the French Union.

Unfortunately, in the Christmas Season of 1945, Duy Tan died while on a flight over the Central Africa desert, en route to visit his family in Reunion Island. Certain people believed that was sabotage. The aircraft burst into flames because "it ran out of gas." That was an extremely rare occurrence because no aircrew would take off without checking fuel.

The death of Duy Tan was a great misfortune for Vietnam and for France. In case Duy Tan returned to Vietnam in 1946, and established a nationalist government to recover autonomy, independence, and reunification for Vietnam, the Franco-Vietnamese War could have been averted. Ho Chi Minh would have been unable to get the monopoly of patriotism, and perhaps no one would join the Indochinese Communist Party (in 1945, the latter had only 5,000 members).

At that point, the French Communist Party had notified Stalin that De Gaulle had a nationalist solution on Vietnam available. This alarming news prompted Ho Chi Minh to pretend disbanding the Indochinese Communist Party in November 1945, and form a national government of coalition with the participation of the Nationalists Nguyen Hai Than, Vu Hong Khanh and Nguyen Tuong Tam as a screen to negotiate with the French.

On March 6, 1946, in Hanoi, Ho Chi Minh signed the Sainteny Preliminary Agreement and accepted all provisions that De Gaulle had offered to Duy Tan: Vietnam was a free, autonomous nation in the Indochinese Federation and the French Union. Fifteen thousand French troops will be allowed to station in North Vietnam for 5 years.

Afterwards, in September 1946 in Paris, Ho Chi Minh went to Moutet's residence to sign the Moutet Temporary Treaty (Marius Moutet was an old comrade of Ho Chi Minh before Ho quit the Socialist Party in 1920 to join the Communist Party in 1921).

However, even after the resignation of De Gaulle in 1946, leaders of the Democratic World were determined not to hand Indochina to the Indochinese Communist Party. By the Communist International's instigation, Ho Chi Minh launched the armed struggle on December 19, 1946. Through this act of war, he violated the Sainteny Preliminary Agreement and the Moutet Temporary Treaty.

As a consequence, 3 months later on March 27, 1947, the Ramadier Cabinet, jointly with the Council of Political Parties made public a Resolution on the new policy in Vietnam. The Resolution indicated that *France agreed with the legitimate aspirations of the people of Vietnam as pertaining to independence and reunification.*

Most noteworthy was the fact that the Communist leader Maurice Thorez and the Socialist leader Marius Moutet have signed the Resolution with Prime Minister Ramadier.

Besides, also in 1947, at the United Nations, France officially registered the three countries of Vietnam, Cambodia, and Laos, as independent nations. Therefore, since 1947, France has made public its intention to return independence and reunification to Vietnam and had registered Vietnam as an independent nation with the United Nations (Vietnam was denied membership of the United Nations due to a veto of the Soviet Union).

In 1947, if Ho Chi Minh were a patriot, if Nguyen Ai Quoc knew to place the national welfare over the party's interests, he could have ordered an immediate cease fire so that the nationalists could negotiate with the French a treaty to recover independence and reunification for Vietnam.

But Ho Chi Minh was *not* a nationalist; Nguyen Ai Quoc was *not* a patriot. He continued the fighting to block up the road to national independence.

Despite these obstacles, the successive French governments were loyal to the 1947 Resolution of the French Cabinet and the Political Parties Council.

On December 7, 1947, High Commissioner Bollaert signed the Along Bay Preliminary Agreement with Chief of State Bao Dai, recognizing the sovereignty and independence of Vietnam. This Preliminary Agreement was formalized by the Along Bay Treaty of June 5, 1948 signed by High Commissioner Bollaert and General Nguyen Van Xuan, Prime Minister of the Provisional National Government, with the acknowledgement of Chief of State Bao Dai. The new Treaty recognized the independence of Vietnam, granting it the right to take steps to implement the national reunification pursuant to the principle of national self-determination.

On **March 8, 1949**, at the Elysee Palace in Paris, President Vincent Auriol, as President of the Republic of France and as Chairman of the French Union, has signed with Chief of State Bao Dai ***the Elysee Treaty consecrating the reunification and independence of Vietnam within the French Union.*** (The Indochinese Federation was abrogated).

By the Resolution of April 23, 1949, the Congress of the Southern Region dissolved the Autonomous Republic of South Vietnam and annexed its territory into the State of Vietnam, independent and unified.

On February 2, 1950, the French Congress ratified the Elysee Treaty and formally recognized the State of Vietnam independent and unified.

Let's discard a preconceived idea that joining the French Union was a violation of national sovereignty. India, Pakistan, Canada, Australia, New Zealand, etc are also independent nations in the British Commonwealth.

On national defense, in 1949, if Vietnam did not adhere to the French Union, then the French troops would have to withdraw from Vietnam (as they did in Syria and Lebanon in 1946). And in a couple of weeks (as South Korea in 1950), Vietnam could have been invaded by the Communist International.

Objectively speaking, in 1949, independence within the French Union was the best solution for Vietnam. The country could then employ French technicians who were knowledgeable of our habits and customs and had substantial experience in the exploitation of agriculture, forestry, and animal husbandry. They had lots of know-how in handicrafts, industry, and commerce as well as in construction of bridges, roads, wharfs, ports, etc. Besides, they could advise us to establish a people-based education, a modernized administration, and an independent judiciary to advance toward a three-power system of government under the rule of law.

In matter of development, we had ready the whole market of the French Union to export our goods and agricultural, forestry and mineral products. That explains why in 1949, the solution of independence within the French Union was outstanding.

But the Indochinese Communist Party has led our country on a road bristling with obstacles and deaths for 40 long years (from 1949 to 1989). *The greatest fortune of India was having a Gandhi who believed in nationalism. The greatest misfortune of Vietnam was having a Ho Chi Minh who believed in international communism.*

To summarize, the First Indochinese War could be divided into 3 phases:

a) 1946-1947: war for independence.

b) 1947-1949: peace negotiation.

c) 1949-1954: ideological war between the Communist International and the Democratic World (similar to the Korean War). This war was obviously not for the sake of independence because Vietnam had been independent since 1949. It was but a means for the communists to grab power.

The sensitive point here is that the Democratic World was represented by the French Union, founded by France which suffered a double prejudice for being the colonialist empire annexing Vietnam for exploitation for nearly a century, and for being the expeditionary force landing in Haiphong in 1946. It was only in 1949 that French troops fought as the French Union Army in Indochina to protect the borders of Vietnam. The switching of quality and function was a delicate legal change not easily perceived by the common people.

THE 1954 GENEVA AGREEMENT AND THE 1973 PARIS AGREEMENT

The first Indochinese War ended with the Geneva Armistice Agreement of July 20, 1954 (similar to the Panmunjom Armistice Agreement of July 27, 1953 in Korea).

The Geneva Agreement was a pure military treaty whose functions were “to set a truce and determine a temporary military boundary.” At the border region under the control of each side, the administrative authority belongs to that side.

Since it was a pure military treaty, the three Geneva Agreements of July 20, 1954 bore solely the signatures of two generals: Major General Ta Quang Buu representing the North Vietnamese Army, The Red Khmers and The Pathet Laos, Major General Henri Delteil, representing the *French Union Army in Indochina* (not the Republic of France’s Army).

The American Armed Forces did not participate in this Indochina War; therefore, they didn’t sign the Geneva Agreement. The State of Vietnam didn’t either. Per the 1949 Elysee Treaty, Vietnam was an associated member of the French Union. In time of war, the Vietnamese army and the French army would fight together under the name of the French Union army. A joint staff would be created with a French general as commanding officer and a Vietnamese general as chief of staff. Since the Geneva Agreement was a pure military treaty, it sufficed for the French Union side to have Major General Henri Delteil to sign the document.

The following day, July 21, 1954, a Final Declaration encouraged the North and South Vietnam to negotiate with each other and organize general elections in 1956. However, *a declaration is not a treaty. It was but a declaration of intention and did not have the signature of either side; therefore, it did not have legal effect.* Similar instances were the Declaration of Independence of Bao Dai on March 11, 1945, of Ho Chi Minh on September 2, 1945, and of Sukarno on August 17, 1945.

Besides, also on July 21, 1954, Foreign Minister Tran Van Do of the State of Vietnam and the American Chief Delegate Bedell Smith had issued a declaration *explicitly protesting* the imposition of political solutions in a military treaty without the participation and consent of the delegation of the State of Vietnam (7).

The Geneva Agreement was but a purely military treaty determining the boundaries of an ‘on-the-spot cease fire’ or ‘demarcation-line cease fire’ (*38th parallel in Korea, 17th parallel in Vietnam*). It did not impose any political solution. The reunification of the two regions of

Vietnam pertains to the right of national self-determination will be decided later by two states (as in the case of Korea). *Therefore, the Republic of Vietnam did not violate the Geneva Agreement when it refused to organize the 1956 elections (8).* From 1953 to the present there was no political solution for Korea.

The Paris Agreement of 1973, on the contrary, was a diplomatic treaty and had a political objective. As far as form is concerned, it bore the signatures of the representatives of the contracting parties:

Tran Van Lam, Foreign Minister of the Republic of Vietnam

Williams Roger, Secretary of State of the U.S.A.

Nguyen Duy Trinh, Foreign Minister of the Democratic Republic of Vietnam, and
Nguyen Thi Binh, Foreign Minister of the Republic of South Vietnam.

Article 15 of the Paris Peace Agreement stipulates that, "the reunification of Vietnam shall be carried out step-by-step through peaceful means on the basis of discussions and agreements between North and South Vietnam, without coercion or annexation by either party, and without foreign interference. The time for reunification will be agreed upon by mutual consent from North and South Vietnam."

However, 2 years later, in 1975, when the ink in the Paris Peace Agreement was not yet dry, North Vietnam launched an armed war to conquer the South. The conference table has yielded to the battlefield, negotiations and agreements were preempted by brute force, and peaceful methods were eliminated by a violent war.

That was indeed a gross violation. Law of the jungle supplanted man's civilized law.

CONCLUSION

In brief:

1. On the national standpoint, denying nationalism, the Vietnamese Communist Party made a strategic mistake when it adopted an alliance with the Communist International and waged an armed struggle drawing 3 million people into deaths for over 40 years (from 1946 to 1989).
2. The Vietnamese Communist Party did not deserve any credit in wresting independence in 1954 because Vietnam had been independent since 1949 per the Elysee Treaty. Moreover, Vietnam had been registered at the United Nations as an independent state since 1947.
3. The Vietnamese Communist Party did not deserve any credit for the reunification of the country in 1975 because Vietnam had been reunified in 1949 when the Congress of the Southern Region dissolved the Autonomous Southern Region and incorporated its territory into the State of Vietnam, independent and unified.
4. On the national standpoint, all the three Indochinese Wars were useless, meaningless and disastrous
5. Therefore, the Vietnamese Communist Party did not qualify and did not have the legitimacy to detain the monopoly of leadership from the past to the present and from the present to the future. The communist regime must be dissolved in order that the people exercise their right to the pursuit of happiness in a democratic regime in which

citizen and human rights are respected, national economy is developed, and social justice is carried out.

NGUYEN HUU THONG
Attorney at Law
LAWYERS COMMITTEE
FOR PEOPLE'S RIGHTS

NOTES

1) The remaining two countries are Malaya and Singapore in the Malaysian Federation. In 1948, the Malayan Communist Party organized armed maquis. To repress this internecine revolt, the British government instituted martial law. Since 1952, the Malayan Nationalist Party brought forth the policy of "Independence by Racial Cooperation" to unite the Malayan, Chinese, and Indo-Pakistani races. Attorney Abdul Rahman had been a deputy district attorney in England. Abdul Razah served in the British Royal Army in World War II. After 5 years of autonomy, Malaysia became independent in 1957.

In 1959, in turn, Singapore was liberated through the policy of "Independence in Interdependence" (with Malaya in the Malaysian Federation). Lee Kuan Yew had been a member of the London Bar Association and of the British Labor Party while a student.

In 1989, when peace was restored in Indochina, the population in the three Indochinese countries numbered 61 millions, and in the other 11 former Asian colonies, 1 billion 40 millions.

2) In 1930, the appellation "Vietnamese Communist Party" was repealed by the Communist International and changed to "Indochinese Communist Party."

3) Nguyen Khac Ngu: *Bao Dai, Nationalist Parties, and the Establishment of the Nationalist Government*.

4) *Everyone's United Nations*, 1986 edition, page 332.

5) Nguyen Khac Ngu, *ibid*.

6) Gandhi autobiography: *The Story of My Experiments with Truth*. As in India, the 20,000 white reactionary colonialists in Indochina acted against the Vietnamese patriots and French democrats.

7) The Nguyen: *Indochina 1945-1973*.

8) Speaking of general elections in a communist country is but a joke. During the 50-year communist rule in North Vietnam, when did the people exercise their rights to run for office and to vote?

9) The Nguyen, *ibid*.